

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM-ST

Ngày 09 tháng 7 năm 2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tuấn.

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-KDTM ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Tổng Giám đốc

Địa chỉ: số 35, H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang. Theo Quyết định ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đình M - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch T - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang. Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 015/QĐ-QLRR ngày 15/01/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.

Địa chỉ: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bắc

Giang, số 02, đường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ **Bị đơn:** Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

2. Bà Vũ Thị X, sinh năm 1954. (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1979. (Vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1946 (đã Chết)

Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

5. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phố H, xóm T, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

*** Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hồng**

S:

1. Bà Vũ Thị X, sinh năm 1954. (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1979. (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1975. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phố H, xóm T, xã B, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đình M trình bày:** Ông là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng giải quyết việc kiện tại Tòa án theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 015/QĐ-QLRR ngày 15/01/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.

Ông Nguyễn Anh T có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Giang - Phòng Giao dịch Tân Yên số hợp đồng 04/2017/5627088/HĐTD ngày 20/12/2017. Số tiền vay là 700.000.000 đồng; lãi suất vay là 9,50%/năm; Mục đích vay là kinh doanh mua phế liệu; Thời hạn vay là 08 tháng kể từ ngày 20/12/2017. Hạn trả nợ 20/08/2018. Phương thức thanh toán là gốc trả vào cuối kỳ trả nợ, tiền lãi trả 03 tháng một lần vào ngày 20. Ông T chưa trả được tiền gốc, tiền lãi đã trả được đến ngày 29/6/2018 là 33.187.260 đồng. Hợp đồng 05/2017/5627088/HĐTD ngày

21/12/2017. Số tiền vay là 800. 000.000 đồng; lãi suất vay là 9,50%/năm; Mục đích vay là kinh doanh mua phế liệu; Thời hạn vay là 08 tháng kể từ ngày 21/12/2017. Hạn trả nợ 21/08/2018. Phương thức thanh toán là gốc trả vào cuối kỳ trả nợ, tiền lãi trả 03 tháng một lần vào ngày 20. Ông T chưa trả được tiền gốc, tiền lãi đã trả được đến ngày 29/6/2018 là 37.731.507 đồng.

Tài sản thế chấp để bảo đảm đối với hai hợp đồng tín dụng trên gồm:

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 08, diện tích 2290,30 m², địa chỉ thửa đất tại thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q822098, do UBND huyện H cấp ngày 14/4/2007 cho ông Nguyễn Hồng S, bà Vũ Thị X. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 01/2017/5627041/HĐTC ngày 03/3/2017

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất không số, tờ bản đồ không số, diện tích 270 m², địa chỉ thửa đất thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q135738, do UBND huyện H cấp ngày 09/5/2001 cho hộ ông Nguyễn Hồng S, đã được chỉnh lý bản đồ địa chính, thửa đất cho ông Nguyễn Anh T. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2017/5627088/HĐTC ngày 03/3/2017

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/4/2019 thì tài sản thế chấp trên từ khi ký hợp đồng thế chấp đến nay không có gì thay đổi, tài sản vẫn giữ nguyên.

Số tiền Ông T còn nợ Ngân hàng theo hai hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến ngày 21/5/2019 là 1.684.087.672 đồng, trong đó tiền gốc còn nợ là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi và lãi quá hạn 184.087.672. Ngân hàng đã thông báo nhiều lần nhưng Ông T chây ỳ không đến Ngân hàng làm việc để giải quyết khoản nợ với Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/5/2019 là 1.684.087.672 đồng, trong đó tiền gốc còn nợ là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi và lãi quá hạn 184.087.672 và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/5/2019 đến khi tất toán toàn bộ hợp đồng. Trường hợp Ông T, bà T không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản đã thế chấp trên theo hợp đồng thế chấp đã ký.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 08/7/2019 là 1.712.782.878 đồng, trong đó tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 212.782.878 đồng. Trường hợp ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị T không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại các tài sản đã thế chấp, theo các hợp đồng thế chấp đã ký và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/7/2019.

+ **Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị X trình bày:** Bà là vợ ông Nguyễn Hồng S, là mẹ đẻ anh Nguyễn Anh T. Ông S chết ngày 13/02/2019, bà và ông Sơn có ba người con gồm: Nguyễn Anh T, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị D. Bà có ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam để bảo đảm cho khoản vay của anh Nguyễn Anh T tại Ngân hàng số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 2290,30 m², địa chỉ thửa đất tại thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, trên đất có nhà cấp bốn diện tích khoảng 100 m², công trình phụ và khung xương lợp tôn. Bà ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện. Trường hợp anh T không trả được nợ, bà đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Hiện tại anh T đi làm ăn xa, đề nghị Tòa án cho anh T thu xếp thời gian về trả nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng như tại thời điểm thế chấp

+ Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải cho anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị D đúng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T, anh T, chị T, chị D không đến Tòa án để viết bản tự khai và hòa giải.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng không hòa giải được vì bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

+ Ngày 26/4/2019, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 08, diện tích 2290,30 m², địa chỉ thửa đất tại thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q822098, do UBND huyện H cấp ngày 14/4/2007 cho ông Nguyễn Hồng S, bà Vũ Thị X.

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất không số, tờ bản đồ không số, diện tích 270 m², địa chỉ thửa đất thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q135738, do UBND huyện H cấp ngày 09/5/2001 cho hộ ông Nguyễn Hồng S, đã được chỉnh lý bản đồ địa chính, thửa đất cho ông Nguyễn Anh T.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì toàn bộ tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng như tại thời điểm thế chấp.

+ Tòa án đã thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến gì.

+ Ngày 13/6/2019, Tòa án mở phiên tòa nhưng bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa.

+ Tại phiên tòa hôm nay bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng tiếp tục vắng mặt.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và buộc anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 08/7/2019 là 1.712.782.878 đồng, trong đó tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 212.782.878 đồng. Trường hợp anh T và chị T không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản đã ký. Anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với việc vắng mặt của anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị T thì thấy: Theo như đơn khởi kiện và xác minh tại địa phương thì anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị T có địa chỉ tại thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017, thì: "...Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa

vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tình dấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung...”. Anh T, chị T không có mặt tại địa phương và không thông báo địa chỉ cho Ngân hàng là có tình dấu địa chỉ. Tòa án thành phố B đã niêm yết toàn bộ giấy tờ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của bà Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị D là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và anh Nguyễn Anh T là quan hệ kinh doanh thương mại giữa pháp nhân có đăng ký kinh doanh với cá nhân có đăng ký kinh doanh. Anh Nguyễn Anh T có ký hợp đồng tín dụng số 04/2017/5627088/HĐTD ngày 20/12/2017 và hợp đồng tín dụng số 05/2017/5627088/HĐTD ngày 21/12/2017 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam vay số tiền 1.500.000.000 đồng, mục đích vay là để kinh doanh thu mua phế liệu. Thời hạn vay là 08 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/8/2018. Anh T đã trả tiền lãi đến ngày 29/6/2018, đến nay Anh T chưa trả được tiền gốc và tiền lãi. Do vậy, Anh T đã vi phạm thời hạn trả tiền gốc và tiền lãi, nên Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án thành phố B giải quyết. Đây là “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Thị T thanh toán số tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 04/2017/5627088/HĐTD ngày 20/12/2017 và hợp đồng tín dụng số 05/2017/5627088/HĐTD ngày 21/12/2017 thì thấy: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giải ngân cho Anh T vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 08 tháng, lãi suất 9,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả một lần vào cuối kỳ; Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả ba tháng một lần vào ngày 20, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 21/8/2018. Số tiền tạm tính đến hết ngày 08/7/2019 là 1.712.782.878 đồng, trong đó tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 212.782.878 đồng. Anh T không trả được tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng, do vậy Anh T vi phạm Mục 7 của Hợp đồng tín dụng số 04/2017/5627088/HĐTD ngày 20/12/2017 và hợp đồng tín dụng số 05/2017/5627088/HĐTD ngày 21/12/2017, Ngân hàng khởi kiện Anh T là phù hợp với Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Anh T vay tiền để kinh doanh, phục vụ kinh tế chung của gia đình, chị Nguyễn Thị T là vợ Anh T, vì vậy chị T phải có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ mà Anh T còn nợ Ngân. Ngân hàng yêu cầu Anh T và chị T phải có trách nhiệm trả số nợ theo Hợp đồng tín dụng trên là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Đối với yêu cầu phát mại các tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 08, diện tích 2290,30 m², địa chỉ thửa đất tại thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q822098, do UBND huyện H cấp ngày 14/4/2007 cho ông Nguyễn Hồng S, bà Vũ Thị X. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất không số, tờ bản đồ không số, diện tích 270 m², địa chỉ thửa đất thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q135738, do UBND huyện H cấp ngày 09/5/2001 cho hộ ông Nguyễn Hồng S, đã được chỉnh lý bản đồ địa chính, thửa đất ông Nguyễn Anh T thì thấy: Ngày 03/3/2017 ông Nguyễn Hồng S, bà Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Thị T ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 01/2017/5627041/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2017/5627088/HĐBĐ, với nội dung “*Bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp nêu tại Điều 2 Hợp đồng này để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các HĐTD và/hoặc HĐCBL được ký kết giữa Ngân hàng và Bên được bảo đảm trong khoảng thời gian kể từ ngày 03/3/2017 đến ngày 03/3/2022 bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản cầm cố, chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án... và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác.*”. Hợp đồng được Phòng công chứng Nguyễn Tư Khoa công chứng số 147/2017, quyền số: 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/3/2017 và công chứng số 148/2017, quyền số: 02/TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 03/3/2017. Các bên tiến hành các thủ tục thế chấp đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 01/2017/5627041/HĐBĐ ngày 03/3/2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2017/5627088/HĐBĐ ngày 03/3/2017 và phù hợp với Điều 317, Điều 318 và Điều 319 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được chấp nhận, do vậy anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng đã nộp là 3.000.000 đồng, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, do vậy anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 317, Điều 318 và Điều 319 của Bộ luật Dân sự. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Buộc anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 04/2017/5627088/HĐTD ngày 20/12/2017 và hợp đồng tín dụng số 05/2017/5627088/HĐTD ngày 21/12/2017 tính đến hết ngày 08/7/2019 là 1.712.782.878 đồng (Một tỷ bảy trăm mười hai triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng), trong đó tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi là 212.782.878 đồng.

2.2. Trường hợp anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị T không trả được nợ cho Ngân hàng thì phải chịu các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật kể cả việc phát mại tài sản đã thế chấp bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 08, diện tích 2290,30 m², địa chỉ thửa đất tại thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q822098, do UBND huyện H cấp ngày 14/4/2007 cho ông Nguyễn Hồng S, bà Vũ Thị X. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 01/2017/5627041/HĐBĐ ngày 03/3/2017.

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất không số, tờ bản đồ không số, diện tích 270 m², địa chỉ thửa đất thôn N, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q135738, do UBND huyện H cấp ngày 09/5/2001 cho hộ ông Nguyễn Hồng S, đã được chỉnh lý bản đồ địa chính, thửa đất cho ông Nguyễn Anh T. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2017/5627088/HĐBĐ ngày 03/3/2017.

2. 3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 09/7/2019 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.4. Về án phí:

2.4.1. Anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị T phải chịu 63.383.486 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.4.2. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.154.500 đồng theo biên lai số AA/2016/0000301 ngày 13/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2.5. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị T phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được nhận lại số tiền này khi anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị T nộp.

2.6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

2.7. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND TP Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo